

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC CHẾ BIẾN
KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017**



CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN HÀI DƯƠNG

Thôn Lỗ Sơn, Thị trấn Phú Thứ, Huyện Kinh Môn

Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 26

01125
ÔNG
NHIỆM
ELOI
HỆT N
ĐA - 7

CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG

Thôn Lỗ Sơn, Thị trấn Phú Thứ, Huyện Kinh Môn

Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khai thác Chế biến Khoáng sản Hải Dương (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Thành Đô	Chủ tịch
Ông Đào Văn Dũng	Phó Chủ tịch
Ông Đỗ Quang Mạnh	Thành viên
Ông Trần Văn Sử	Thành viên
Ông Vũ Thăng Bình	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Đào Văn Dũng	Giám đốc
Ông Đỗ Quang Mạnh	Phó Giám đốc
Ông Đoàn Văn Cường	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG

Thôn Lỗ Sơn, Thị trấn Phú Thứ, Huyện Kinh Môn

Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Đào Văn Dũng

Giám đốc

Ngày 05 tháng 02 năm 2018



Số: 457 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Khai thác Chế biến Khoáng sản Hải Dương

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Khai thác Chế biến Khoáng sản Hải Dương (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 05 tháng 02 năm 2018, từ trang 05 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 11 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty đã ghi nhận vào chi phí trong năm số tiền khoảng 2,37 tỷ VND là một phần trong tổng số khoảng 5,9 tỷ VND tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp đối với phần trữ lượng đã khai thác từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013. Nếu Công ty ghi nhận hồi tố toàn bộ khoản tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp nêu trên vào chi phí các năm trước theo đúng hướng dẫn của Chế độ kế toán Việt Nam thì trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, giá vốn hàng bán sẽ giảm và tổng lợi nhuận kế toán trước thuế sẽ tăng cùng một số tiền khoảng 2,37 tỷ VND; trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước sẽ giảm khoảng 2,8 tỷ VND, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay sẽ tăng 2,37 tỷ VND; giá trị hao mòn lũy kế của tài sản cố định vô hình sẽ tăng khoảng 430 triệu VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 sẽ tăng khoảng 2,8 tỷ VND).

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng có thể có của vấn đề nêu trong đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Dặng Chí Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0030-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 05 tháng 02 năm 2018

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Anh Tuấn

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1472-2018-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		39.388.624.252	34.082.915.676
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	19.451.309.414	11.252.899.975
1. Tiền	111		8.451.309.414	3.252.899.975
2. Các khoản tương đương tiền	112		11.000.000.000	8.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.174.584.537	9.522.337.089
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	12.309.443.835	10.848.728.427
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	221.355.802	166.704.762
3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(1.356.215.100)	(1.493.096.100)
III. Hàng tồn kho	140	9	8.762.730.301	13.307.678.612
1. Hàng tồn kho	141		8.762.730.301	13.307.678.612
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		32.007.130.513	34.916.134.046
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		9.690.035.966	8.112.524.855
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	9.690.035.966	8.112.524.855
II. Tài sản cố định	220		21.888.919.547	26.675.494.097
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	14.188.873.922	15.158.077.714
- Nguyên giá	222		33.283.950.309	30.776.126.847
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(19.095.076.387)	(15.618.049.133)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	7.700.045.625	11.517.416.383
- Nguyên giá	228		32.695.285.937	31.177.927.937
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(24.995.240.312)	(19.660.511.554)
III. Tài sản dài hạn khác	260		428.175.000	128.115.094
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		428.175.000	128.115.094
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		71.395.754.765	68.999.049.722

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		37.438.712.288	40.141.776.441
I. Nợ ngắn hạn	310		23.697.103.288	26.400.167.441
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	5.028.028.994	5.402.078.162
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		518.327.366	243.984.866
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	9.862.597.224	12.085.112.929
4. Phải trả người lao động	314		7.075.631.000	7.094.137.300
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		255.135.038	312.242.580
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	14	222.207.700	219.433.700
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		735.175.966	1.043.177.904
II. Nợ dài hạn	330		13.741.609.000	13.741.609.000
1. Dự phòng phải trả dài hạn	342	15	13.741.609.000	13.741.609.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		33.957.042.477	28.857.273.281
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	33.957.042.477	28.857.273.281
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		17.174.100.000	17.174.100.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		17.174.100.000	17.174.100.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		536.512.500	536.512.500
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		16.246.429.977	11.146.660.781
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		8.946.660.781	5.731.682.542
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		7.299.769.196	5.414.978.239
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		71.395.754.765	68.999.049.722

2500 -
 G TY
 M HỮU HA
 ITTE
 NAM
 TP. HA



Trần Thị Vân
 Người lập biểu

Ngày 05 tháng 02 năm 2018



Nguyễn Hữu Khiêm
 Kế toán trưởng



Đào Văn Dũng
 Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng	01	19	143.518.874.697	125.321.954.667
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02)	10		143.518.874.697	125.321.954.667
4. Giá vốn hàng bán	11		115.983.641.611	97.182.483.545
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		27.535.233.086	28.139.471.122
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	579.024.510	626.009.987
7. Chi phí bán hàng	25	22	6.643.635.999	4.771.058.484
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	11.981.232.417	12.562.066.527
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-(25+26))	30		9.489.389.180	11.432.356.098
10. Thu nhập khác	31		102.485.600	125.057.827
11. Chi phí khác	32		338.255.039	318.309.104
12. (Lỗ) khác (40=31-32)	40		(235.769.439)	(193.251.277)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		9.253.619.741	11.239.104.821
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	1.953.850.545	2.389.306.582
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		7.299.769.196	8.849.798.239
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	4.250	3.872

Trần Thị Vân
Người lập biểu

Nguyễn Hữu Khiêm
Kế toán trưởng



Đào Văn Dũng
Giám đốc

Ngày 05 tháng 02 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng và doanh thu khác	01	156.719.994.292	134.499.199.350
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(59.050.660.196)	(55.720.922.632)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(43.485.192.900)	(41.995.246.400)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(1.646.038.432)	(3.631.819.489)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.015.944.100	757.478.700
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(41.638.681.080)	(31.089.221.913)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	11.915.365.784	2.819.467.616
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(4.018.729.462)	(4.290.870.526)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	301.773.117	399.284.190
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.716.956.345)	(3.891.586.336)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(5.152.230.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(5.152.230.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	8.198.409.439	(6.224.348.720)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	11.252.899.975	17.477.248.695
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	19.451.309.414	11.252.899.975

Trần Thị Vân
Người lập biểu

Nguyễn Hữu Khiêm
Kế toán trưởng



Đào Văn Dũng
Giám đốc

Ngày 05 tháng 02 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Khai thác Chế biến Khoáng sản Hải Dương (gọi tắt là "Công ty"), trước đây là Mỏ đá vôi Thống Nhất Hải Hưng, được thành lập và đi vào hoạt động từ năm 1958. Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 2740/QĐ-UB ngày 04 tháng 7 năm 2003 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hải Dương.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0800282498 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 18 tháng 7 năm 2003 và các Giấy chứng nhận thay đổi. Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 ngày 30 tháng 9 năm 2015.

Cổ đông chính của Công ty là Công ty Cổ phần Cơ Khí và Khoáng sản Hà Giang và các cổ đông cá nhân khác.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 387 người (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 412 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Khai thác, chế biến đá làm nguyên liệu, sản xuất vật liệu xây dựng;
- Khai thác và chế biến đất sét;
- Khai thác tận thu, chế biến bauxit;
- Khai thác cát, đất, đồi;
- Tận thu các loại khoáng sản đi kèm trong quá trình khai thác (nếu có);
- Sửa chữa cơ khí - điện;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Cấu trúc Công ty bao gồm văn phòng Công ty và các đội khai thác, chế biến đá.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Như đã trình bày ở Thuyết minh số 4, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được điều chỉnh theo Biên bản thanh tra thuế ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Cục thuế tỉnh Hải Dương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền quý. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu bao gồm giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm nay (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	04 - 16
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	07 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 14

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị các quyền khai thác khoáng sản và chi phí hoàn nguyên môi trường, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản mà Công ty phải nộp, chi phí hoàn nguyên môi trường ước tính phải bỏ ra sau khi kết thúc khai thác và toàn bộ các chi phí liên quan khác để có được giấy phép khai thác khoáng sản.

Quyền khai thác khoáng sản được Công ty khấu hao căn cứ theo trữ lượng đã khai thác trên tổng trữ lượng được cấp phép khai thác.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, các chi phí đã phát sinh và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ

Căn cứ theo Biên bản thanh tra thuế ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Cục thuế tỉnh Hải Dương, Ban Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh số dư Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước và Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cụ thể như sau:

Chi tiêu	Mã số	Số đã báo cáo	Điều chỉnh	Số trình bày lại
		VND	VND	VND
I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
NỢ PHẢI TRẢ				
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (*)	313	11.897.797.643	187.315.286	12.085.112.929
VỐN CHỦ SỞ HỮU				
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (*)	421	11.333.976.067	(187.315.286)	11.146.660.781
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a	5.863.642.704	(131.960.162)	5.731.682.542
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b	5.470.333.363	(55.355.124)	5.414.978.239
II. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Chi phí khác (*)	32	302.600.636	15.708.468	318.309.104
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (*)	51	2.349.659.926	39.646.656	2.389.306.582
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	60	8.905.153.363	(55.355.124)	8.849.798.239

(*) Thuế phải nộp Nhà nước trong năm 2015 tăng thêm 131.960.162 VND (trong đó, thuế giá trị gia tăng là 35.736.959 VND, thuế thu nhập doanh nghiệp là 96.223.203 VND) và Thuế phải nộp Nhà nước trong năm 2016 tăng thêm 55.355.124 VND (trong đó, thuế giá trị gia tăng là 15.708.468 VND, thuế thu nhập doanh nghiệp là 39.646.656 VND), dẫn đến:

- Số dư Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 tăng thêm 187.315.286 VND;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 giảm đi 131.960.162 VND và số dư Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2016 giảm đi 55.355.124 VND.
- Chi phí khác và Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 tăng thêm lần lượt là 15.708.468 VND và 39.646.656 VND, đồng thời, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 giảm đi 55.355.124 VND.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	351.242.100	383.048.200
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.100.067.314	2.869.851.775
Các khoản tương đương tiền (i)	11.000.000.000	8.000.000.000
	19.451.309.414	11.252.899.975

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Đức M	2.628.712.000	727.210.000
Công ty TNHH Hưng Hòa	1.474.996.050	1.210.831.850
Doanh nghiệp Tư nhân Xí nghiệp Tư doanh Vận tải Hồng Lạc	616.231.377	1.800.981.377
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Vật liệu xây dựng Đức Thắng	-	2.020.992.000
Phải thu các khách hàng khác	7.589.504.408	5.088.713.200
	12.309.443.835	10.848.728.427

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	221.355.802	166.704.762
- Phải thu người lao động	202.928.200	166.389.500
- Phải thu khác	18.427.602	315.262
b) Dài hạn	9.690.035.966	8.112.524.855
- Ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường các mỏ	9.690.035.966	8.112.524.855
	9.911.391.768	8.279.229.617

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***8. NỢ XẤU**

Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc (VND)	Giá trị có thể thu hồi (VND)	Thời gian quá hạn	Giá gốc (VND)	Giá trị có thể thu hồi (VND)	Thời gian quá hạn
- Công ty TNHH Sơn Thịnh	305.471.000	-	Trên 3 năm	305.471.000	-	Trên 3 năm
- Công ty TNHH Đức Thành	282.248.000	-	Trên 3 năm	282.248.000	-	Trên 3 năm
- Công ty Cổ phần Thương mại Thành Vinh	181.051.800	-	Trên 3 năm	181.051.800	-	Trên 3 năm
- Xí nghiệp Cổ phần Tân Tiến Bắc Ninh	105.840.600	-	Trên 3 năm	255.840.600	-	Trên 3 năm
- Khách hàng khác	481.603.700	-	Trên 3 năm	483.484.700	15.000.000	Trên 2 năm
	1.356.215.100	-		1.508.096.100	15.000.000	

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	969.500.439	-	510.903.734	-
Công cụ, dụng cụ	15.589.724	-	6.394.791	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	14.055.181	-	9.171.676	-
Thành phẩm	7.763.584.957	-	12.781.208.411	-
	8.762.730.301	-	13.307.678.612	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	7.881.075.491	20.324.761.131	2.310.187.829	260.102.396	30.776.126.847
Mua trong năm	-	2.200.462.276	252.321.005	-	2.452.783.281
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	55.040.181	-	-	-	55.040.181
Số dư cuối năm	7.936.115.672	22.525.223.407	2.562.508.834	260.102.396	33.283.950.309
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số đầu năm	5.633.993.865	8.091.579.826	1.664.510.950	227.964.492	15.618.049.133
Khấu hao trong năm	565.140.842	2.641.256.638	254.731.778	15.897.996	3.477.027.254
Số dư cuối năm	6.199.134.707	10.732.836.464	1.919.242.728	243.862.488	19.095.076.387
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	2.247.081.626	12.233.181.305	645.676.879	32.137.904	15.158.077.714
Tại ngày cuối năm	1.736.980.965	11.792.386.943	643.266.106	16.239.908	14.188.873.922

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 8.263.651.612 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 6.204.716.341 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền khai thác khoáng sản VND	Chi phí hoàn nguyên môi trường VND	Công VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	17.436.318.937	13.741.609.000	31.177.927.937
Tăng trong năm (i)	1.517.358.000	-	1.517.358.000
Số dư cuối năm	18.953.676.937	13.741.609.000	32.695.285.937
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	10.475.176.932	9.185.334.622	19.660.511.554
Khấu hao trong năm	4.021.975.888	1.312.752.870	5.334.728.758
Số dư cuối năm	14.497.152.820	10.498.087.492	24.995.240.312
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	6.961.142.005	4.556.274.378	11.517.416.383
Tại ngày cuối năm	4.456.524.117	3.243.521.508	7.700.045.625

(i) Nguyên giá tài sản cố định vô hình tăng trong năm thể hiện giá trị quyền khai thác khoáng sản tại mỏ đá vôi Tân Sơn theo Quyết định số 2681/QĐ-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2017 và quyền khai thác khoáng sản gia hạn tại mỏ đá vôi Áng Dầu theo Quyết định số 2682/QĐ-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2017.

Theo Văn bản số 723/TTg-KTN ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ, Công ty tạm thời chưa phải nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với phần trữ lượng đã khai thác từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 với tổng số tiền khoảng 5,9 tỷ VND. Số tiền này đã được Công ty ghi nhận bổ sung vào chỉ tiêu Nguyên giá tài sản cố định vô hình và chỉ tiêu Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước. Ban Giám đốc Công ty quyết định trích khấu hao bắt đầu từ năm 2015 căn cứ theo trữ lượng khai thác trong năm và trữ lượng được phép khai thác mà không ghi nhận toàn bộ vào chi phí từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 do văn bản trên và các nghị định hướng dẫn chi tiết được ban hành trong năm 2014.

Trong năm, Công ty đã ghi nhận vào chi phí với số tiền khoảng 2,37 tỷ VND là một phần trong tổng số khoảng 5,9 tỷ VND tiền cấp quyền khai thác khoáng sản nêu trên.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 10.719.294.726 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 4.700.262.966 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG**MẪU SỐ B 09-DN**

Thôn Lỗ Sơn, Thị trấn Phú Thứ, Huyện Kinh Môn

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối năm
	(Trình bày lại)	trong năm	trong năm	
	VND	VND	VND	VND
- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	6.630.934.854	1.517.358.000	1.867.286.215	6.281.006.639
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	898.842.965	1.953.850.545	1.646.038.432	1.206.655.078
- Thuế giá trị gia tăng	731.346.013	9.082.067.183	8.633.469.385	1.179.943.811
- Phí bảo vệ môi trường	317.706.265	4.159.358.500	3.829.659.765	647.405.000
- Thuế tài nguyên	3.381.543.412	11.775.786.574	14.642.165.630	515.164.356
- Thuế thu nhập cá nhân	124.739.420	108.970.340	201.287.420	32.422.340
- Tiền thuê đất	-	2.434.298.000	2.434.298.000	-
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	60.239.900	60.239.900	-
- Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
- Các khoản phải trả khác	-	131.655.039	131.655.039	-
	12.085.112.929	31.226.584.081	33.449.099.786	9.862.597.224

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Một thành viên 68	990.769.500	990.769.500	1.125.814.200	1.125.814.200
Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ Bạch Thái Bưởi	-	-	514.056.312	514.056.312
Công ty Cổ phần Thống Nhất	802.714.100	802.714.100	705.570.700	705.570.700
Doanh nghiệp tư nhân Khánh Hiền	-	-	1.162.469.000	1.162.469.000
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Hằng Giang	608.957.200	608.957.200	470.402.500	470.402.500
Công ty Công nghiệp hóa chất mỏ Quảng Ninh	591.106.296	591.106.296	-	-
Tổng Công ty Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp Quốc phòng	558.524.208	558.524.208	-	-
HTX Thương mại Quyết Tiến	506.338.890	506.338.890	443.479.950	443.479.950
Công ty Cổ phần Phú Thịnh	-	-	475.334.100	475.334.100
Phải trả các đối tượng khác	969.618.800	969.618.800	504.951.400	504.951.400
	5.028.028.994	5.028.028.994	5.402.078.162	5.402.078.162

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	115.214.000	112.440.000
Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	55.000.000	55.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	51.993.700	51.993.700
	<u>222.207.700</u>	<u>219.433.700</u>

15. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Chi phí hoàn nguyên môi trường (i)	13.741.609.000	13.741.609.000
	<u>13.741.609.000</u>	<u>13.741.609.000</u>
Chi tiết:		
<i>Dự phòng phải trả ngắn hạn</i>	-	-
<i>Dự phòng phải trả dài hạn</i>	13.741.609.000	13.741.609.000

- (i) Chi phí hoàn nguyên môi trường là tổng chi phí ước tính phải bỏ ra để phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác theo các Đề án cải tạo phục hồi môi trường của Công ty đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh Hải Dương phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	17.174.100.000	536.512.500	10.981.052.704	28.691.665.204
Lợi nhuận trong năm	-	-	8.905.153.363	8.905.153.363
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban Quản lý, Điều hành	-	-	(3.400.000.000)	(3.400.000.000)
Chia cổ tức	-	-	(5.152.230.000)	(5.152.230.000)
Số dư đầu năm nay	17.174.100.000	536.512.500	11.333.976.067	29.044.588.567
Điều chỉnh hồi tố (i)	-	-	(187.315.286)	(187.315.286)
Số dư đầu năm nay được trình bày lại	17.174.100.000	536.512.500	11.146.660.781	28.857.273.281
Lợi nhuận trong năm	-	-	7.299.769.196	7.299.769.196
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (ii)	-	-	(2.200.000.000)	(2.200.000.000)
Số dư cuối năm này	17.174.100.000	536.512.500	16.246.429.977	33.957.042.477

- (i) Như đã trình bày ở Thuyết minh số 4, do ảnh hưởng của điều chỉnh hồi tố, lợi nhuận sau thuế của Công ty trong năm 2015 và 2016 giảm đi lần lượt là 131.960.162 VND và 55.355.124 VND; lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và 31 tháng 12 năm 2016 giảm đi một khoản tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

(ii) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 03/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 4 năm 2017 đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2016 của Công ty như sau:

- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền là 2.200.000.000 VND. Công ty đã hạch toán toàn bộ vào báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.
- Trả cổ tức bằng tiền cho các cổ đông với mức 20% vốn điều lệ, tương đương với 3.434.820.000 VND. Công ty đã thanh toán cho các cổ đông và hạch toán vào báo cáo tài chính năm 2016 là 3.434.820.000 VND.

Số lượng cổ phiếu

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.717.410	1.717.410
+ Cổ phiếu phổ thông	1.717.410	1.717.410
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.717.410	1.717.410
+ Cổ phiếu phổ thông	1.717.410	1.717.410
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (thay đổi lần thứ 7 ngày 30 tháng 9 năm 2015), vốn điều lệ của Công ty là 17.174.100.000 VND.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang	6.131.160.000	35,7%	6.131.160.000	35,7%
Ông Đào Văn Dũng	482.900.000	2,8%	366.900.000	2,1%
Ông Đỗ Quang Mạnh	453.750.000	2,6%	453.750.000	2,6%
Ông Trần Văn Sừ	339.450.000	2,0%	339.450.000	2,0%
Các cổ đông khác	9.766.840.000	56,9%	9.882.840.000	57,6%
Tổng cộng	17.174.100.000	100%	17.174.100.000	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Nợ khó đòi đã xử lý

Các khoản nợ khó đòi đã xử lý trong vòng 10 năm kể từ ngày xử lý:

Đối tượng	Số tiền (VND)	Thời điểm thực hiện	Nguyên nhân xóa sổ
Công ty Công trình Giao thông 86	621.898.570	Tháng 01 năm 2013	Bán nợ cho Công ty mua bán nợ
Công ty Vật tư Xây dựng và Vận tải Hải Phòng	1.914.511.600	Tháng 9 năm 2008	Bán nợ cho Công ty mua bán nợ
Đối tượng nhỏ lẻ khác	80.928.809	Tháng 11 năm 2015	Xóa sổ theo Quyết định của Hội đồng Quản trị

18. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là khai thác, chế biến đá làm nguyên liệu, sản xuất vật liệu xây dựng, các hoạt động kinh doanh khác chiếm tỷ trọng doanh thu rất nhỏ. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016 đều liên quan đến hoạt động khai thác, chế biến đá nêu trên. Doanh thu theo từng hoạt động kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 19.

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Công ty không lập bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý ngoài Việt Nam.

19. DOANH THU BÁN HÀNG

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng	143.518.874.697	125.321.954.667
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu bán đá thô	7.785.765.708	2.656.197.080
- Doanh thu bán đá chế biến	131.195.421.515	121.176.016.239
- Doanh thu bán cát nghiền	4.537.687.474	1.489.741.348
	143.518.874.697	125.321.954.667

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.359.982.423	6.899.718.029
Chi phí nhân công	49.695.071.482	46.775.703.329
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.766.164.412	7.493.458.455
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.987.920.753	39.941.690.725
Chi phí khác bằng tiền	22.915.613.184	20.160.583.621
	129.724.752.254	121.271.154.159

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	301.773.117	399.284.190
Doanh thu hoạt động tài chính khác	277.251.393	226.725.797
	579.024.510	626.009.987

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
- Chi phí nhân viên quản lý	6.930.293.187	6.936.120.706
- Thuế, phí, lệ phí	423.557.611	335.832.467
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.916.985.351	1.761.499.731
- Chi phí bằng tiền khác	1.291.953.801	2.664.251.276
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	555.323.467	1.091.082.347
- Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(136.881.000)	(226.720.000)
	11.981.232.417	12.562.066.527
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
- Chi phí thuê máy móc, thiết bị, bốc xúc, vận chuyển	6.643.635.999	4.771.058.484
	6.643.635.999	4.771.058.484

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	9.253.619.741	11.239.104.821
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	515.632.985	707.428.085
Thu nhập chịu thuế	9.769.252.726	11.946.532.906
Thuế suất	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.953.850.545	2.389.306.582
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.953.850.545	2.389.306.582

24. LÃI CƠ BÀN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	7.299.769.196	8.849.798.239
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (VND)	-	2.200.000.000
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	7.299.769.196	6.649.798.239
Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.717.410	1.717.410
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	4.250	3.872

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 16, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 03/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 4 năm 2017 đã thông qua phương án trích Quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2016 của Công ty, dẫn đến việc trình bày lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, cụ thể như sau:

	Năm trước	
	Số đã báo cáo	Số trình bày lại
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	8.905.153.363	8.849.798.239
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (VND)	-	2.200.000.000
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	8.905.153.363	6.649.798.239
Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.717.410	1.717.410
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	5.185	3.872

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Theo quy định tại Luật bảo vệ môi trường năm 2014 và các văn bản hướng dẫn, Công ty có nghĩa vụ cải tạo, phục hồi môi trường cho toàn bộ quá trình thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản. Các đề án cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường của Công ty đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương phê duyệt (Thuyết minh số 15). Theo đó, hàng năm Công ty phải ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường vào tài khoản ngân hàng do Quỹ Bảo vệ Môi trường tỉnh Hải Dương chỉ định.

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư trọng yếu trong năm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang	Cổ đông chính
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	Quản lý, điều hành Công ty

Trong năm, Công ty có giao dịch với bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Cổ tức trả cho Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang	-	1.839.348.000

Thu nhập của Ban Giám đốc và thù lao của Hội đồng Quản trị trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lương, thưởng và phụ cấp của Ban Giám đốc	807.158.500	878.691.000
Thù lao của Hội đồng Quản trị	420.000.000	420.000.000



Trần Thị Vân
Người lập biểu



Nguyễn Hữu Khiêm
Kế toán trưởng



Đào Văn Dũng
Giám đốc

Ngày 05 tháng 02 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC, CHẾ BIẾN
KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 22/CV-KHD
V/v: Giải trình ý kiến ngoại trừ
trên Báo cáo kiểm toán năm 2017.

Hải Dương, ngày 05 tháng 02 năm 2018

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội(HNX)

Căn cứ thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương giải trình về ý kiến ngoại trừ của Công ty TNHH Deloitte Việt Nam trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 như sau:

• **Ý kiến kiểm toán**

“Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 11 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty đã ghi nhận vào chi phí trong kỳ số tiền khoảng 2,37 tỷ VND là một phần trong tổng số khoảng 5,9 tỷ VND tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp đối với phần trữ lượng đã khai thác từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013. Nếu Công ty ghi nhận hồi tố toàn bộ khoản tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp nêu trên vào chi phí các năm trước theo đúng hướng dẫn của Chế độ kế toán Việt Nam thì trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, giá vốn hàng bán sẽ giảm và tổng lợi nhuận kế toán trước thuế sẽ tăng cùng một số tiền khoảng 2,37 tỷ VND; trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước sẽ giảm khoảng 2,8 tỷ VND, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay sẽ tăng 2,37 tỷ VND; giá trị hao mòn lũy kế của tài sản cố định vô hình sẽ tăng khoảng 430 triệu VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 sẽ tăng khoảng 2,8 tỷ VND).

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng có thể có của vấn đề nêu trong đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế

toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

- **Giải trình của Công ty**

Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính và mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản có hiệu lực từ ngày 20/01/2014.

Đầu năm 2015, Công ty mới được Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp đối với các mỏ Công ty đang quản lý khai thác, trong đó tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp đối với phần trữ lượng đã khai thác từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 là **5,9 tỷ VND**.

Số tiền này đã được Công ty ghi nhận bổ sung vào chỉ tiêu Nguyên giá tài sản cố định vô hình và chỉ tiêu Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước. Ban giám đốc Công ty quyết định trích khấu hao bắt đầu từ năm 2015 căn cứ theo trữ lượng khai thác trong năm và trữ lượng được phép khai thác mà không ghi nhận toàn bộ vào chi phí từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 do từ năm 2011 đến 2013 Công ty đã quyết toán và phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Trong năm, Công ty ghi nhận vào chi phí với số tiền là 2,37 tỷ VND(năm 2015 là 1,9 tỷ VND, năm 2016 là 1,14 tỷ VND) là một phần trong tổng số 5,9 tỷ VND tiền cấp quyền khai thác khoáng sản nêu trên.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin giải trình trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã giải trình.

Trân trọng báo cáo!

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- SGDCKHN;
- Website;
- Lưu VT,HDQT.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Đào Văn Dũng